**Unit 13: HOBBIES**

1. hobby (n): thú vui, sở thích riêng

2. guitar [gi'tɑ:] (n): đàn ghi-ta

→ guitarist [gi'tɑ:rist] (n): người chơi đàn ghi-ta

3. accomplished [ə'kɔmpli∫t] (adj): có tài, tài hoa

→ to accomplish [ə'kɔmpli∫] (v): hoàn thành

→ accomplishment [ə'kɔmpli∫mənt] (n): sự hoàn thành, sự thực hiện

4. simple tunes (n): những giai điệu đơn giản

5. regular (adj): thường lệ

→ regularly (adv): = usually

6. to accompany [ə'kʌmpəni] (v): đệm đàn, đệm nhạc

→ to accompany someone at/on something: đệm nhạc cho ai

7. to admire [əd'maiə] (v): hâm mộ, ngưỡng mộ

→ admiring [əd'maiəriη] (adj): khâm phục, ngưỡng mộ

→ admirable ['ædmərəbl] (adj):

→ admiration [,ædmə'rei∫n] (n):

8. modest ['mɔdist] (adj): khiêm tốn, vừa phải, phải chăng

→ modesty ['mɔdisti] (n): tính khiêm tốn

9. glass fish tank (n): hồ cá bằng thủy tinh

10. a variety of exp): nhiều, đủ loại

11. to be collected from: được sưu tầm từ...

🡪to collect [kə'lekt] (v): thu thập, sưu tầm, sưu tập

→ collection [kə'lek∫n] (n):

→ collector [kə'lektə] (n):

→ collective [kə'lektiv] (adj):

12, avid stamp collector (n): người có đam mê sưu tầm tem

🡪 avid (adj): khao khác

13. discarded envelopes (n): những phong bì đã vứt bỏ

14. once in a while: thỉnh thoảng, đôi khi

15. common ['kɔmən] (adj): thông thường, phổ biến

→ commonly ['kɔmənli] (adv):

16. inside [in'said] (n/adj/pre): bên trong, phía trong

17. to give away to s.b:

18. to throw s.th away: ném, liện đi

19. to indulge in [in'dʌldʒ] (v): ham mê, say mê

→ indulgence [in'dʌldʒəns] (n):

20. for a while: một thời gian

21. occupied (adj): có dính líu, bận rộn

→ occupation [,ɒkjʊ'pei∫n] (n): sự chiếm chỗ, nghề nghiệp, việc làm

→ occupational [,ɒkju'pei∫ənl] (adj): (thuộc về) nghề nghiệp

🡪 to keep s.b occupied:

**II/ VOCABULARY:**

1. These ideas have now been completely **discarded**.

a. come up with b. got rid of c. put forward d. put into practice

1. Most city dwellers like spending their weekend in the country to enjoy the fresh air and the ………… of nature.

a. beauty b. beautiful c. beautifully d. beautify

1. The singer was ………… on the piano by her sister.

a. played b. performed c. accompanied d. helped

1. The most important thing is to keep yourself **occupied**.

a. busy b. relaxed c. comfortable d. free

1. I keep stamps. However, I would not call myself an **avid** stamp collector.

a. private b. keen c. major d. complete

1. There are some hobbies that I ………… in for a while besides reading and collecting.

a. occupy b. accomplish c. fascinate d. indulge

1. My uncle, who is an **accomplished** guitarist, taught me how to play.

a. skilled b. famous c. perfect d. modest

1. He is a great ………… of Picasso’s early paintings.

a. admire b. admiration c. admirer d. admiring

1. Cycling and karate are among her **hobbies**.

a. pursuit b. entertainment c. amusement d. pastime

1. I had forgotten all about it because I had been so ………………….. with other things.

A. occupied B. interested C. accomplished D. successful

1. He got the stamps and threw away the envelopes.

A. kept B. discarded C. gathered D. collected

1. Some new amusement and ………………. areas have been set up since last year.

A. entertain B. entertainer C. entertainment D. entertaining

1. ……………. stamps from discarded envelopes is my hobby.

A. Gathering B. Accompanying C. Collecting D. Accomplishing

1. I am quite keen on my father’s valuable stamp ……………..

A. collect B. collecting C. collection D. collector

1. ……….. is an activity which someone does for pleasure when they are not working.

A. Collection B. Hobby C. Keeping D. Entertainment